ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Nguyễn Thùy Trang

NĂNG LỰC BẢO VỆ TRẺ EM CỦA NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC XÃ HỘI CẤP CƠ SỞ TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Chuyên ngành: Công tác xã hội

Mã số: 9760101.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ CÔNG TÁC XÃ HỘI

Hà Nội – 2023

Công trình được hoàn thành tại: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Người hướng dẫn khoa học:

Hướng dẫn 1: PGS. TS. Nguyễn Thị Thái Lan

Hướng dẫn 2: TS. Pauline Meemeduma

Phản biện: GS. TS. Nguyễn Hữu Minh, Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

Phản biện: PGS. TS. Phạm Tiến Nam, Trường Đại học Y tế Công cộng

Phản biện: PGS. TS. Đặng Thị Hoa, Viện Tâm lý học, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp Đại học Quốc gia chấm luận án tiến sĩ họp tại . ….. . . . . ..

vào hồi giờ ngày tháng năm 20…

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài nghiên cứu

Công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em là một trong những mục tiêu có ý nghĩa quan trọng trong các chủ trương chính sách và chiến lược phát triển bền vững của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Mặc dù có sự chuyển biến tích cực về công tác BVTE, tuy nhiên vẫn còn thực trạng trẻ em bị bạo lực, bị xâm hại, bị bỏ rơi, sao nhãng, bị bóc lột sức lao động diễn biến phức tạp và có chiều hướng gia tăng. Những vấn đề mà trẻ em gặp phải ngày càng tăng với mức độ phức tạp hơn và khó giải quyết cần có sự trợ giúp chuyên nghiệp của đội ngũ người làm công tác xã hội (CTXH). Tuy nhiên, hệ thống BVTE chưa chủ động, kịp thời trong việc phát hiện và tiếp nhận các thông báo về trường hợp trẻ em bị xâm hại, bóc lột, sao nhãng và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt nên các can thiệp, trợ giúp vẫn còn chậm chưa đạt hiệu quả. Báo cáo của Chính phủ về công tác BVTE cho thấy vấn đề về năng lực của cán bộ BVTE ở cấp xã khi chưa kịp thời xử lý thông tin, thông báo, tố giác hành vi xâm hại trẻ em. Do họ thiếu kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ nên công tác hỗ trợ, can thiệp cho trẻ em bị xâm hại chưa đạt yêu cầu (Báo Điện tử Chính phủ, 2022). Tại Thành phố có nhiều nhóm trẻ em đang sinh sống bao gồm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em bị xâm hại, trẻ em bị bạo lực…Nghiên cứu tại địa bàn thủ đô sẽ cung cấp các dữ liệu nghiên cứu đầy đủ nhất về thực trạng công tác BVTE, năng lực BVTE của người làm công tác xã hội (CTXH). Trên địa bàn Hà Nội có 12.765 trẻ em có hoàn cảnh khó khăn và 30.501 trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh khó khăn (Sở LĐTBXH, 2023).

Đội ngũ cán bộ, nhân viên, cộng tác viên CTXH chủ yếu được đào tạo từ ngành, nghề khác và đội ngũ cộng tác viên CTXH tại cộng đồng mới bước đầu được hình thành tại một số địa phương. Mặc dù đã qua đào tạo nhưng đội ngũ này mới chỉ nắm kiến thức lý thuyết và chưa đáp ứng yêu cầu về kỹ năng thực hành. Thực tế đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác trẻ em từ cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã đều giảm do thực hiện tinh giản cơ cấu tổ chức, đội ngũ cán bộ chuyên trách ngày càng giảm và thường xuyên luân chuyển công tác; cán bộ kiêm nhiệm lại chưa được đào tạo cơ bản về quyền trẻ em và CTXH nên chất lượng, hiệu quả công tác trẻ em chưa cao (Cục Trẻ em, 2022).

Năng lực của người làm CTXH gắn liền với các tiêu chuẩn việc làm và được xem là tiêu chuẩn chất lượng để thực hiện đánh giá công việc và đào tạo. Cần có các nghiên cứu khoa học về năng lực BVTE của người làm CTXH, ở nước ta hiện nay vẫn thiếu hụt các công trình nghiên cứu về năng lực của người làm CTXH trong lĩnh vực bảo vệ trẻ em cấp cơ sở. Từ những lý do trên, tác giả đã chọn đề tài "*Năng lực bảo vệ trẻ em của người làm công tác xã hội cấp cơ sở tại thành phố Hà Nội"* làm nghiên cứu luận án Tiến sỹ chuyên ngành CTXH.

2. Mục đích nghiên cứu

Luận án được thực hiện nhằm xây dựng cơ sở lý luận, đánh giá thực trạng và đánh giá các yếu tố ảnh hưởng tới năng lực BVTE của người làm CTXH cấp cơ sở. Từ đó, nghiên cứu đề xuất các giải pháp nâng cao năng lực và khung năng lực BVTE cho đội ngũ người làm CTXH cấp cơ sở tại TP. Hà Nội.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu:

Năng lực BVTE của người làm CTXH cấp cơ sở

3.2. Phạm vi nghiên cứu:

3.3.1. Phạm vi về nội dung

Luận án sử dụng lý thuyết Hệ thống sinh thái, lý thuyết Học tập và khung năng lực ASK (Attitudes, Skills, Knowledge) để nghiên cứu, mô tả, phân tích và đánh giá năng lực BVTE của người làm CTXH theo 3 chiều cạnh Kiến thức, Kỹ năng về BVTE và Thái độ/hành vi. Xác định, đánh giá và phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới năng lực BVTE của họ. Trên cơ sở những dữ liệu thu thập được từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao năng lực BVTE cho người làm CTXH trong lĩnh vực BVTE cấp cơ sở và khung năng lực BVTE.

3.3.2. Phạm vi về khách thể nghiên cứu

Nhóm đối tượng tham gia khảo sát là người làm CTXH trong lĩnh vực BVTE cấp UBND cấp xã, các cơ sở dịch vụ CTXH cung cấp dịch vụ trực tiếp cho trẻ em và gia đình trẻ, phòng CTXH thuộc đường dây hotline 111, phòng CTXH thuộc Hội phụ nữ có kinh nghiệm làm việc từ 01 năm trở lên. Một số đại diện gia đình/người chăm sóc của trẻ em tham gia khảo sát. Đối tượng tham gia phỏng vấn sâu bao gồm các nhà quản lý, lãnh đạo UBND cấp xã, các cơ sở, trung tâm, tổ chức cung cấp dịch vụ BVTE công lập.

3.3.3. Phạm vi không gian: 30 quận/huyện tại TP. Hà Nội

3.3.4. Thời gian nghiên cứu: Từ năm 2020 – 2023.

4. Các câu hỏi nghiên cứu

a) Thực trạng năng lực BVTE của người làm CTXH cấp cơ sở tại TP. Hà Nội hiện nay như thế nào?

b) Những yếu tố nào ảnh hưởng tới năng lực BVTE của người làm CTXH cấp cơ sở tại TP. Hà Nội? và đánh giá những yếu tố ảnh hưởng này như thế nào?

c) **N**gười làm CTXH cấp cơ sở cần có năng lực gì?

d) Cần đề xuất các giải pháp và khung năng lực BVTE cho người làm CTXH cấp cơ sở như thế nào?

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án

5.1. Ý nghĩa khoa học của luận án: Kết quả nghiên cứu của luận án cung cấp một hệ thống lý luận, khái niệm về năng lực BVTE của người làm CTXH trong lĩnh vực BVTE cấp cơ sở. Luận án còn xây dựng mới một số khái niệm công cụ về năng lực BVTE của người làm CTXH trong bối cảnh Việt Nam, giúp định hướng và giải quyết nhiều vấn đề liên quan đến thực trạng năng lực BVTE của người làm CTXH trong lĩnh vực BVTE cấp cơ sở tại TP. Hà Nội. Nghiên cứu luận án còn là nguồn tài liệu tham khảo cho các nghiên cứu sau này.

5.2. Ý nghĩa thực tiễn của luận án: Kết quả nghiên cứu thực tiễn của luận án đã xác định, đánh giá và phân tích thực trạng năng lực BVTE và các yếu tố ảnh hưởng tới năng lực BVTE tìm ra những khoảng trống về chuyên môn của người làm CTXH nhằm góp phần nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ cho trẻ em và gia đình và đồng thời xây dựng những giải pháp nâng cao năng lực chuyên môn cho người làm CTXH. Luận án đề xuất một khung năng lực BVTE cho người làm CTXH trong lĩnh vực BVTE cấp cơ sở làm khung tham khảo cho các nhà hoạch định chính sách, nhà quản lý và các cơ sở dịch vụ xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực BVTE thông qua việc tuyển dụng và đào tạo/bồi dưỡng nâng cao năng lực.

6. Kết cấu của Luận án

Ngoài Phần mở đầu, Kết luận và Khuyến nghị, Tài liệu tham khảo, Danh mục các công trình công bố và Phụ lục, nội dung luận án được trình bày trong 5 chương:

Chương I. Tổng quan vấn đề nghiên cứu

Chương II: Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Chương III: Thực trạng năng lực bảo vệ trẻ em của người làm công tác xã hội cấp cơ sở tại thành phố Hà Nội

Chương IV: Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng tới năng lực bảo vệ trẻ em của người làm công tác xã hội trong lĩnh vực trẻ em cấp cơ sở

Chương V: Các giải pháp nâng cao năng lực bảo vệ trẻ em cho người làm công tác xã hội trong lĩnh vực bảo vệ trẻ em cấp cơ sở, đề xuất khung năng lực bảo vệ trẻ em.

CHƯƠNG I
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Các nghiên cứu về công tác xã hội và bảo vệ trẻ em

Các nghiên cứu đã thể hiện rõ ý nghĩa nhân văn và tầm quan trọng của CTXH trong việc giải quyết các vấn đề xã hội, đặc biệt là vấn đề BVTE. CTXH đã phát triển chuyên nghiệp ở một số nước trên thế giới nhưng năng lực của người làm CTXH vẫn còn hạn chế. Bên cạnh đó, các nghiên cứu cũng đã chỉ ra sự thiếu hụt về năng lực của người làm CTXH khi làm việc với trẻ em.

1.2. Các nghiên cứu về vai trò, trách nhiệm của người làm công tác xã hội và trong lĩnh vực bảo vệ trẻ em

Các nghiên cứu đã khẳng định người làm CTXH có vai trò, trách nhiệm quan trọng góp phần phát triển lĩnh vực BVTE. Các nghiên cứu đều thống nhất vai trò chủ yếu của người làm CTXH trong lĩnh vực BVTE là đảm bảo an toàn cho trẻ em và BVTE ngay tức thì, phát triển hài hòa các mối quan hệ trong gia đình, tăng cường vai trò, trách nhiệm của người làm CTXH trong việc thực hiện công tác BVTE nhằm trợ giúp trẻ em và gia đình. Các vai trò, trách nhiệm của người làm CTXH được xác định trong các nghiên cứu thể hiện sự đa dạng về công việc mà họ thực hiện trong lĩnh vực BVTE.

1.3. Các nghiên cứu về các tiêu chuẩn năng lực của người làm công tác xã hội cấp cơ sở

Tiêu chuẩn năng lực của người làm CTXH trong lĩnh vực BVTE có ý nghĩa quan trọng trong việc đánh giá chất lượng, hoạch định phát triển nguồn nhân lực. Năng lực của Công tác xã hội viên và Nhân viên công tác xã hội và cộng tác viên BVTE bao gồm các tiêu

chuẩn năng lực chung và năng lực chuyên môn.

Tiêu chuẩn năng lực của người làm CTXH đã được thể hiện rõ tại các nghiên cứu trên thế giới và Việt Nam. Mỗi nước sẽ xây dựng những tiêu chuẩn năng lực riêng dành cho người làm CTXH trong lĩnh vực BVTE tùy thuộc vào bối cảnh của từng nước.

1.4. Các nghiên cứu về năng lực bảo vệ trẻ em của người làm công tác xã hội

Năng lực BVTE của người làm CTXH trong lĩnh vực BVTE được xác định theo vai trò, trách nhiệm của vị trí công việc BVTE. Các nghiên cứu đã chỉ ra những thiếu hụt về năng lực BVTE sẽ dẫn tới những hạn chế về kết quả công việc.

1.5. Các khung năng lực bảo vệ trẻ em trên thế giới và tại Việt Nam

1.5.1. Khung năng lực bảo vệ trẻ em của Liên minh Bảo vệ trẻ em hành động nhân văn (CPHA)

Khung năng lực BVTE mô tả các kiến thức, kỹ năng và thái độ mà nhân viên thực hành của CPHA cần phải có để thực hiện tốt vai trò của họ: Đảm bảo công tác can thiệp có chất lượng; Phòng ngừa và giải quyết các nguy cơ BVTE; Phát triển các chiến lược BVTE; Hợp tác liên ngành.

1.5.2. Khung năng lực bảo vệ trẻ em của Úc

Khung năng lực mô tả các kiến thức và kỹ năng thực hành BVTE của người làm thực hành trực tiếp với trẻ em và gia đình (Phòng Dịch vụ về con người bang Victoria, 2012, tr.11).

1.5.3. Khung năng lực bảo vệ trẻ em của Anh

Khung năng lực BVTE của Anh bao gồm các tiêu chuẩn năng lực bao gồm 3 nhóm năng lực: Nhóm 1 mô tả năng lực chung/cốt lõi dành cho các vai trò khác nhau. Nhóm 2 mô tả năng lực dành cho người làm CTXH tuyến đầu và tình nguyện viên làm việc trực tiếp với trẻ em. Nhóm 3 mô tả năng lực bổ sung tùy theo từng vai trò và trách nhiệm của từng vị trí.

1.6. Các nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực bảo vệ trẻ em của người làm công tác xã hội

Các nghiên cứu trước đây đã xác định những khó khăn và như: áp lực về thời gian, số lượng ca, định kiến cá nhân, sức khỏe về thể chất, thông tin, giáo dục và đào tạo, môi trường làm việc. Đánh giá, phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới năng lực BVTE của người

làm CTXH cấp cơ sở như nhóm yếu tố Đặc điểm cá nhân, nhóm yếu tố Giáo dục và đào tạo, nhóm yếu tố Môi trường làm việc; nhóm yếu tố Văn hóa.

1.7. Khoảng trống của các nghiên cứu và xu hướng nghiên cứu

Các nghiên cứu đã nhấn mạnh sự phát triển của CTXH và BVTE trên toàn thế giới trợ giúp trẻ em và gia đình. Mặc dù vậy, một số nghiên cứu mới chỉ dừng lại ở việc khái quát hiện tượng và chủ yếu dựa trên tài liệu thứ cấp, chưa thể hiện rõ phương pháp nghiên cứu và chưa đề cập đến năng lực thực hành của người làm CTXH khi tham gia hệ thống BVTE. Do đó, xu hướng nghiên cứu mới cần tập trung vào năng lực thực hành của người làm CTXH, đồng thời sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể làm nổi bật ý nghĩa và vai trò năng lực thực hành của người làm CTXH trong hệ thống BVTE.

Các nghiên cứu trước đây đã xác định được các vai trò, trách nhiệm của người làm CTXH trong lĩnh vực BVTE. Tùy từng trường hợp và bối cảnh khác nhau mà các vai trò được thể hiện khác nhau. Tuy nhiên, các nghiên cứu này tập trung phân tích, mô tả một số vai trò và bỏ qua các vai trò khác của người làm CTXH. Các nghiên cứu đã xác định các tiêu chuẩn năng lực mà người làm CTXH cần có như tiêu chuẩn năng lực của người làm CTXH trong trường học, tiêu chuẩn chất lượng của nhân viên CTXH, tiêu chuẩn năng lực của nhân viên CTXH. Tuy nhiên, các nghiên cứu chưa đề cập đến tiêu chuẩn năng lực BVTE của người làm CTXH cấp cơ sở. Khoảng trống tiếp theo là hiện nay tại Việt Nam chưa có nghiên cứu về khung năng lực BVTE mặc dù các nghiên cứu trên thế giới và tại Việt Nam đã nhấn mạnh khung năng lực bao gồm các kiến thức, kỹ năng và thái độ là rất quan trọng trong quá trình thực hành nghề nghiệp của mình. Các nghiên cứu về khung năng lực chỉ ra cần xây dựng khung năng lực phù hợp với bối cảnh của quốc gia mình.

Bên cạnh đó, nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng tới năng lực BVTE của người làm CTXH đã được thực hiện tại nhiều nước nhằm xác định, phân tích và đánh giá những yếu tố có ảnh hưởng tích cực góp phần phát triển năng lực của người làm CTXH và các yếu tố làm hạn chế năng lực BVTE của người làm CTXH. Tại Việt Nam mặc dù đã có các nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng tới năng lực của nhân viên trong tổ chức nhưng chưa có nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng tới năng lực BVTE của người làm CTXH cấp cơ sở. Đây là một khoảng trống cho nghiên cứu thực hiện xác định, phân tích, đánh

giá các yếu tố ảnh hưởng tới năng lực BVTE của người làm CTXH cấp cơ sở.

Tiểu kết Chương I

Chương I đã tổng quan các nghiên cứu trong nước và quốc tế có liên quan tới năng lực BVTE của người làm CTXH cấp cơ sở.

CHƯƠNG II
CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Các khái niệm công cụ

2.1.1 Khái niệm năng lực

Trong nghiên cứu này, năng lực được hiểu là các đặc điểm kiến thức, các kỹ năng, thái độ/phẩm chất của người làm CTXH cần có nhằm thực hiện một nhiệm vụ cụ thể hay hành động phù hợp với một hoàn cảnh cụ thể.

2.1.2. Khái niệm bảo vệ trẻ em

Trong đề tài nghiên cứu này, BVTE được định nghĩa là (1) các biện pháp phòng ngừa nguy cơ có hại đối với trẻ em bao gồm tuyên truyền, cung cấp thông tin, giáo dục/hướng dẫn kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ em, trang bị kiến thức/kỹ năng làm cha mẹ và tạo môi trường sống an toàn phù hợp với trẻ em; (2) các biện pháp can thiệp phù hợp ngăn chặn các nguy cơ và hành vi có hại cho trẻ em, bao gồm tiếp nhận và đánh giá mức độ tổn hại, đánh giá nhu cầu của trẻ em, tham vấn tâm lý, bố trí nơi tạm trú an toàn cho trẻ em, nơi chăm sóc thay thế, chuyển gửi tới các cơ sở trợ giúp liên quan; theo dõi đánh giá sự an toàn của trẻ em; (3) các biện pháp trợ giúp trẻ em bao gồm: trợ giúp trẻ em và gia đình, nhận diện các nguy cơ gây tổn hại cho trẻ em, tư vấn các biện pháp loại bỏ, giảm thiểu nguy cơ; hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; hỗ trợ thông tin về các dịch vụ, nguồn lực, và trợ giúp về luật pháp chính sách.

2.1.3. Khái niệm năng lực bảo vệ trẻ em

Với nghiên cứu này, năng lực BVTE được xác định bao gồm: (1) Kiến thức cơ bản về quyền trẻ em, luật pháp chính sách, công ước quyền trẻ em, chương trình, đề án nguồn lực BVTE, kiến thức về trẻ em, đặc điểm của các nhóm trẻ em, quy trình BVTE, kiến thức về quản lý trường hợp/ca, đặc điểm tâm lý xã hội của trẻ em, các nguyên tắc và giá trị của CTXH; (2) Kỹ năng cần thiết để BVTE bao gồm: kỹ năng tư vấn luật pháp, chính sách, dịch vụ, kỹ năng tham vấn tâm lý; kỹ năng chăm sóc nuôi dưỡng trẻ em; kỹ năng giao tiếp với trẻ em và

gia đình; kỹ năng làm việc nhóm liên ngành, đánh giá nguy cơ, vấn đề, nhu cầu của trẻ em, nguồn lực trợ giúp, xử lý căng thẳng, khủng hoảng; phát hiện và phòng ngừa nguy cơ tổn hại, can thiệp, kết nối, điều phối, giám sát dịch vụ; kỹ năng ra quyết định (3) Cần, kiệm, liêm, chính; tâm huyết, trách nhiệm, chủ động và sáng tạo; kiên nhẫn, thấu hiểu, chia sẻ và quan tâm; đặt lợi ích của đối tượng là quan trọng nhất; chịu trách nhiệm về các hoạt động nghề nghiệp; gìn giữ sự đoàn kết với các đồng nghiệp; chăm sóc bản thân và xây dựng hình ảnh phù hợp; tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của nghề nghiệp; tuân thủ kỷ luật nghề nghiệp.

2.1.4. Khái niệm khung năng lực

Đề tài nghiên cứu này nhìn nhận Khung năng lực bao gồm các nhóm năng lực cốt lõi/chung và năng lực chuyên môn của người làm CTXH. Mỗi một nhóm năng lực được được mô tả theo kỹ năng, kiến thức và thái độ với những tiêu chuẩn hành vi hay hoạt động cụ thể thể hiện năng lực đó. Ngoài ra, khung năng lực thể hiện các cấp độ năng lực cụ thể khác nhau tùy theo mỗi vị trí nhằm thực hiện công việc một cách hiệu quả.

2.1.5. Khái niệm khung năng lực bảo vệ trẻ em

Nghiên cứu này cho rằng Khung năng lực BVTE là tập hợp các nhóm năng lực và các hành vi cụ thể của người làm CTXH với trẻ em ở các cấp độ khác nhau nhằm thực hiện công việc BVTE một cách hiệu quả. Mỗi năng lực cụ thể bao gồm các kiến thức, kỹ năng và thái độ liên quan đến năng lực đó.

2.1.6. Khái niệm người làm công tác xã hội

2.1.6.1. Người làm công tác xã hội chuyên nghiệp

Người làm CTXH chuyên nghiệp là những người làm việc trong lĩnh vực CTXH và BVTE, cung cấp dịch vụ xã hội trực tiếp cho trẻ em và gia đình được đào tạo bậc cử nhân hoặc trình độ cao hơn về CTXH, Xã hội học, Tâm lý học, Giáo dục đặc biệt hay ngành khoa học xã hội khác phù hợp với nhiệm vụ CTXH, có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành CTXH, có đạo đức nghề nghiệp và tuân thủ theo quy định của Đảng và Nhà nước.

2.1.6.2. Người làm công tác xã hội bán chuyên nghiệp

Người làm CTXH bán chuyên nghiệp là những cộng tác viên CTXH hoặc người làm việc tình nguyện trong lĩnh vực CTXH và BVTE cung cấp dịch vụ xã hội trực tiếp cho trẻ em và gia đình nhưng

không được đào tạo bậc cử nhân hay ở cấp độ cao hơn về CTXH, Xã hội học, Tâm lý học, Giáo dục đặc biệt hay ngành khoa học xã hội khác phù hợp với nhiệm vụ CTXH. Người làm CTXH bán chuyên nghiệp có chứng chỉ tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ hoặc chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ CTXH, đạt trình độ từ trung cấp nghề về CTXH hoặc các chuyên ngành liên quan, có đạo đức nghề nghiệp và tuân thủ theo quy định của Đảng và Nhà nước.

2.1.8. Khái niệm Người làm công tác xã hội trong lĩnh vực bảo vệ trẻ em

Trong nghiên cứu này, khái niệm Người làm CTXH trong lĩnh vực BVTE là những người làm CTXH chuyên nghiệp và bán chuyên nghiệp được đào tạo từ trình độ trung cấp nghề, trình độ cử nhân hoặc trình độ cao hơn về CTXH, Xã hội học, Tâm lý học, Giáo dục đặc biệt hay ngành khoa học xã hội khác phù hợp với nhiệm vụ CTXH, có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành CTXH. Người làm CTXH trong lĩnh vực BVTE cung cấp dịch vụ trực tiếp cho trẻ em và gia đình và có kinh nghiệm làm việc từ 01 năm trở lên về BVTE.

2.1.9. Khái niệm Cấp cơ sở

Đề tài nghiên cứu này nhìn nhận Cấp cơ sở là đơn vị thấp nhất trong hệ thống phân cấp hành chính công gắn với cộng đồng dân cư và là cấp đầu tiên tiếp xúc với người dân và giải quyết những vấn đề của người dân. Cấp cơ sở bao gồm các tổ chức dân sự/các cơ sở cung cấp dịch vụ tại cộng đồng, địa phương, UBND phường/xã…

2.1.10. Khái niệm Năng lực bảo vệ trẻ em của người làm công tác xã hội cấp cơ sở

Trong nghiên cứu này, khái niệm Năng lực BVTE của người làm CTXH cấp cơ sở là tập hợp các kiến thức, kỹ năng về BVTE và phẩm chất/thái độ cần thiết của người làm CTXH chuyên nghiệp và bán chuyên nghiệp tại các đơn vị cấp xã được thực hiện nhằm đảm bảo các quyền của trẻ em, bảo đảm trẻ em được sống an toàn, lành mạnh; phòng ngừa, ngăn chặn các nguy cơ có hại cho trẻ em; trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

2.2. Các lý thuyết

2.2.1. Lý thuyết học tập xã hội

Lý thuyết học tập xã hội (Social Learning Theory) được phát triển bởi Albert Bandura. Lý thuyết này dựa trên ý tưởng cho rằng con người học tập thông qua những tương tác với người khác trong

một bối cảnh xã hội nào đó. Bằng cách quan sát hành vi của người khác con người sẽ phát triển những hành vi tương tự.

2.2.2. Lý thuyết hệ thống sinh thái

Lý thuyết Hệ thống sinh thái (Ecological System Theory) ra đời từ những năm 70, lý thuyết này giúp nhân viên CTXH phân tích và đánh giá sự tương tác giữa cá nhân thân chủ và môi trường xã hội.

2.2.3. Khung năng lực ASK

Khung năng lực ASK (Attitudes, Skills, Knowledge) hay còn được biết đến là khung KSA (Knowledge, Skills, Attidudes) bao gồm 3 yếu tố kiến thức, kỹ năng và thái độ.

2.3. Khung phân tích

Từ việc nghiên cứu xác định và ứng dụng các lý thuyết trong CTXH như lý thuyết Hệ thống sinh thái, lý thuyết Học tập xã hội, khung năng lực ASK, luận án đã đưa ra khung phân tích để nghiên cứu, phân tích thực trạng năng lực BVTE của người làm CTXH cấp cơ sở tại thành phố Hà Nội.

2.4. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, tác giả đã sử dụng phối hợp nhiều phương pháp nghiên cứu trong đó có phương pháp nghiên cứu tài liệu, phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, phương pháp phỏng vấn sâu, phương pháp chuyên gia.

Tiểu kết Chương II

Chương 2 đã hệ thống hóa các công cụ, khái niệm về năng lực BVTE của người làm CTXH cấp cơ sở với các biến cụ thể và các chỉ báo. Từ việc nghiên cứu các khái niệm trong những nghiên cứu khoa học trước đây và những khái niệm được quy định theo Luật Trẻ em 2016, các thông tư, nghị định của các cơ quan quản lý nhà nước, luận án đã thao tác hóa các khái niệm liên quan tới năng lực BVTE của người làm CTXH cấp cơ sở và xây dựng khung nghiên cứu.

CHƯƠNG III
THỰC TRẠNG NĂNG LỰC BẢO VỆ TRẺ EM CỦA NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC XÃ HỘI CẤP CƠ SỞ

3.1. Địa bàn nghiên cứu

Hà Nội là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của cả nước, bao gồm 30 quận, huyện, thị xã với 579 xã, phường, thị trấn trực thuộc. Hà Nội có diện tích là 3.358 km2 và dân số là hơn 8,3 triệu người. Năm 2016, TP. Hà Nội đã ban hành Kế hoạch thực hiện

chương trình BVTE trên địa bàn TP. Hà Nội giai đoạn 2016-2020 với mục tiêu đảm bảo cho mọi trẻ em được bảo vệ an toàn, được sống trong môi trường lành mạnh. Các hoạt động về công tác BVTE tại Thành phố đã và đang được thực hiện theo các kế hoạch của "Chương trình về bảo vệ và chăm sóc trẻ em giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

3.2. Đặc điểm của khách thể tham gia nghiên cứu

Một số đặc điểm của người làm CTXH cấp cơ sở trong lĩnh vực BVTE. Xét về khía cạnh giới khách thể tham gia nghiên cứu thì có sự mất cân bằng giữa nam và nữ trong số những người làm CTXH trong lĩnh vực BVTE. Tỷ lệ nữ giới chiếm đa số (86,4%) so với tỷ lệ nam giới (13,6%). Có thể thấy những người làm CTXH trong lĩnh vực BVTE thực hiện các vị trí công việc khác nhau. Họ là cán bộ LĐTBXH phụ trách công tác BVTE hoặc cộng tác viên BVTE thuộc các UBND phường, cán bộ/nhân viên CTXH đang làm việc cho các cơ sở cung cấp dịch vụ BVTE công lập tại cộng đồng. Tại UBND phường thì trách nhiệm BVTE được giao cho cán bộ phụ trách về LĐTBXH (thường là cán bộ Văn hóa - Xã hội) là người quản lý nhiều đối tượng, trong đó có các cộng tác viên BVTE. Cộng tác viên BVTE thực hiện nhiều công việc kiêm nhiệm bao gồm công tác BVTE tại địa bàn.

3.3. Thực trạng trình độ đào tạo công tác xã hội và bảo vệ trẻ em của người làm công tác xã hội cấp cơ sở

Nhìn chung, vẫn còn nhiều cán bộ làm công tác BVTE chưa qua đào tạo về CTXH đặc biệt là cán bộ phụ trách BVTE tại các UBND phường. Tỷ lệ số người có bằng đại học và sau đại học về CTXH chiếm khoảng 1/3 tổng số người tham gia khảo sát. Một số cán bộ đã được đào tạo ngắn hạn về CTXH và đã có chứng chỉ nghề CTXH.

3.4. Tự đánh giá thực trạng năng lực kiến thức, kỹ năng về bảo vệ trẻ em và thái độ của người làm công tác xã hội

3.4.1. Kiến thức về Bảo vệ trẻ em

Nhìn chung, người làm CTXH trong lĩnh vực BVTE cấp cơ sở có mức độ hiểu biết về công tác BVTE vẫn còn hạn chế ở một số kiến thức liên quan đến quản lý trường hợp, chương trình đề án BVTE và quy trình BVTE.

3.4.2. Kỹ năng bảo vệ trẻ em của người làm công tác xã hội

Người tham gia nghiên cứu thực hiện kỹ năng BVTE ở mức

trung bình trong đó các kỹ năng tham vấn tâm lý, kỹ năng xử lý trong tình huống khẩn cấp đạt ở mức thấp nhất, kỹ năng phát hiện, phòng ngừa, can thiệp, kỹ năng xử lý căng thẳng, khủng hoảng và một số kỹ năng khác ở mức độ tương đương. Người làm CTXH đánh giá hai kỹ năng được thực hiện cao hơn cả là kỹ năng làm việc với trẻ em và gia đình, kỹ năng đánh giá nguy cơ, tổn hại, vấn đề của trẻ em.

3.4.3. Thực trạng thái độ/hành vi của người làm công tác xã hội cấp cơ sở

Người tham gia nghiên cứu đánh giá cao một số thái độ/hành vi, tuân thủ nguyên tắc nghề nghiệp tuy nhiên, còn có những đức tính được đánh giá ở mức thấp như cần, kiệm, liêm chính; Chăm sóc bản thân, xây dựng hình ảnh phù hợp, và Tuân thủ kỷ luật nghề nghiệp. Mặc dù vậy, người nhận dịch vụ như cha, mẹ/người chăm sóc trẻ đã cảm thấy hài lòng với dịch vụ và thái độ của người làm CTXH.

3.5. Mức độ tham gia các lớp đào tạo/bồi dưỡng về công tác bảo vệ trẻ em

Người làm CTXH tham gia các lớp tập huấn ở các mức độ khác nhau. Các khóa tập huấn BVTE chưa thu hút và tạo được sự quan tâm của lãnh đạo phường cũng như cán bộ làm công tác BVTE. Tuy nhiên, các cơ sở cung cấp dịch vụ CTXH đã có sự quan tâm tới khóa tập huấn BVTE nhiều hơn.

3.6. Khả năng thực hiện công tác Bảo vệ trẻ em

3.6.1. Khả năng thực hiện công tác phòng ngừa

Công tác phòng ngừa được thực hiện bởi người làm CTXH cấp cơ sở ở mức độ cao với ĐTB M>3,4. Cộng tác viên BVTE chủ yếu thực hiện công tác tuyên truyền, cung cấp thông tin, phát hiện nguy cơ và phổ biến trách nhiệm BVTE, trong khi đó cán bộ VH-XH, cán bộ/nhân viên CTXH chủ yếu thực hiện giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ em và trang bị kỹ năng làm cha mẹ cho cha, mẹ trẻ em.

3.6.2. Khả năng thực hiện công tác hỗ trợ

Người làm CTXH trong lĩnh vực BVTE cấp cơ sở đã thực hiện công tác hỗ trợ trẻ em và gia đình khá đầy đủ. Mức độ thực hiện tùy thuộc vào vị trí công việc và quy định về vai trò, nhiệm vụ của từng vị trí việc làm. Cán bộ VH-XH và cán bộ/nhân viên CTXH thực hiện hỗ trợ về nhận diện nguy cơ và xóa bỏ hoặc giảm thiểu nguy cơ chủ yếu liên quan đến xâm hại tình dục và bạo lực gia đình; hỗ trợ luật pháp, chính sách cao hơn so với cộng tác viên BVTE.

3.6.3. Khả năng thực hiện công tác can thiệp

Ở cấp độ can thiệp thì người tham gia nghiên cứu đã thực hiện ở các mức độ khác nhau. Cộng tác viên BVTE thực hiện can thiệp ở mức thấp nhất so với cán bộ/nhân viên CTXH và cán bộ VH-XH. Nhiệm vụ của cộng tác viên chủ yếu là hỗ trợ và hợp tác với các bên liên quan, chịu sự quản lý của cán bộ VH-XH. Các biện pháp can thiệp chủ yếu hướng tới đối tượng trẻ em bị xâm hại và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Các biện pháp đánh giá nhu cầu, vấn đề của trẻ em và kết nối trẻ em và gia đình với các nguồn lực được các cán bộ/nhân viên CTXH và cán bộ VH-XH thực hiện ở mức độ cao hơn các biện pháp can thiệp khác.

3.7. Tương quan giữa trình độ đào tạo Công tác xã hội và năng lực bảo vệ trẻ em của người làm công tác xã hội

Giá trị trung bình của năng lực BVTE có xu hướng tăng dần theo trình độ đào tạo CTXH. Như vậy, người làm CTXH có trình độ CTXH cao hơn thì sẽ có năng lực BVTE cao hơn.

Tiểu kết chương III

Chương 3 đã tìm hiểu, phân tích, đánh giá thực trạng năng lực BVTE của người làm CTXH cấp cơ sở trên cơ sở tìm hiểu về trình độ CTXH, kiến thức, kỹ năng BVTE, thái độ và mức độ khả năng thực hiện công tác BVTE (3 cấp độ phòng ngừa, hỗ trợ và can thiệp).

CHƯƠNG IV
ĐÁNH GIÁ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI NĂNG LỰC BẢO VỆ TRẺ EM CỦA NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC XÃ HỘI CẤP CƠ SỞ

4.1. Xác định các yếu tố ảnh hưởng tới năng lực bảo vệ trẻ em của người làm công tác xã hội cấp cơ sở

Dựa trên lý thuyết Hệ thống sinh thái của Bronfenbrenner (Mahoney, 2017) và công trình nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng tới năng lực BVTE, tác giả đã xác định được các yếu tố ảnh hưởng tới năng lực BVTE của người làm CTXH cấp cơ sở. Có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng tới năng lực BVTE của người làm CTXH, tuy nhiên, nghiên cứu chỉ tập trung vào một số yếu tố ảnh hưởng tới năng lực BVTE của người làm CTXH bao gồm Giáo dục và đào tạo (G), Môi trường làm việc (MT), Đặc điểm cá nhân (CN) và Yếu tố văn hóa (VH). Ngoài ra, nghiên cứu cũng xác định những khó khăn mà người làm CTXH gặp phải trong quá trình thực hiện công việc đó là: Thu nhập thấp, thái độ thờ ơ của cộng đồng với các vấn đề của trẻ

em, gia đình trẻ em thiếu sự hợp tác và khó khăn khi làm việc với nhóm trẻ em bị xâm hại.

4.2. Phân tích nhân tố khám phá cho các yếu tố ảnh hưởng

Trước khi thực hiện phân tích nhân tố khám phá EFA, nghiên cứu tiến hành kiểm định trị số KMO và ý nghĩa Barlett để đánh giá sự phù hợp của mô hình EFA với các dữ liệu như: Đặc điểm cá nhân (CN), Giáo dục và đào tạo (G), Môi trường làm việc (MT), Văn hóa (VH).

4.3. Các nhóm nhân tố ảnh hưởng tới năng lực bảo vệ trẻ em của người làm công tác xã hội

4.3.1. Đặc điểm cá nhân của người làm công tác xã hội

Đặc điểm cá nhân của người làm CTXH có ảnh hưởng tương đối mạnh tới năng lực của người làm CTXH. Với kinh nghiệm thực hành CTXH và kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực BVTE, người làm CTXH tin rằng họ sẽ tiếp thu những kiến thức mới nhanh hơn như hiểu được quy trình can thiệp và xác định được vấn đề của trẻ em một cách chính xác và kịp thời.

4.3.2. Giáo dục và đào tạo

Nhóm yếu tố Giáo dục và đào tạo có ảnh hưởng tương đối mạnh tới năng lực BVTE của người làm CTXH, trong đó nhóm yếu tố nổi bật có ảnh hưởng mạnh nhất tới năng lực BVTE với sự đồng thuận nhất trí cao của người làm CTXH là Trình độ chuyên môn về CTXH và Trình độ chuyên môn về BVTE.

4.3.3. Môi trường làm việc

Nhóm yếu tố môi trường làm việc có ảnh hưởng khá mạnh tới năng lực BVTE của người làm CTXH cấp cơ sở. Trong đó, yếu tố kiến thức mới tiếp thu tại nơi làm việc có tác động tích cực tới năng lực BVTE. Tuy nhiên, yếu tố Hành chính/quy trình làm việc bắt buộc lại có ảnh hưởng gây khó khăn cho người làm CTXH. Mặc dù, chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực của cơ quan có tạo điều kiện cho cán bộ đi học tuy nhiên, các lớp tập huấn chưa hiệu quả. Thu nhập hàng tháng thấp, áp lực công việc và số lượng công việc nhiều làm hạn chế việc tham dự các lớp tập huấn và làm giảm tập trung vào công việc chuyên môn của họ.

4.3.4. Các đặc điểm Văn hóa

Nhóm nhân tố Văn hóa: Nhóm yếu tố văn hóa có ảnh hưởng tương đối mạnh tới năng lực BVTE của người làm CTXH. Xem xét

một số yếu tố có ảnh hưởng tiêu cực tới năng lực BVTE, làm cản trở việc phát hiện trẻ em bị xâm hại và bị bạo hành. Đó là, sự xấu hổ, ngại tiết lộ chuyện của gia đình và thái độ thờ ơ của người dân, cộng đồng và xã hội. Sự e dè, sợ bị vạ lây của những người xung quanh gây khó khăn, cản trở cho việc phát hiện vụ việc.

Tiểu kết Chương IV

Chương này thể hiện đánh giá của người làm CTXH về các yếu tố ảnh hưởng và những khó khăn thách thức của họ.

CHƯƠNG V
CÁC GIẢI PHÁP VÀ ĐỀ XUẤT KHUNG NĂNG LỰC BẢO VỆ TRẺ EM

Từ các kết quả nghiên cứu của luận án, một số giải pháp đã được đề xuất như sau:

5.1. Giải pháp về chính sách

Hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách liên quan đến BVTE nhằm giúp người làm CTXH tăng cường hiệu quả công việc.

Xây dựng vị trí việc làm cho người làm CTXH cấp cơ sở.

Căn cứ vào vị trí việc làm, cần xây dựng chế độ chính sách lương, thưởng cho người làm CTXH phụ trách về công tác trẻ em và gia đình và cộng tác viên BVTE.

Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực bảo vệ và chăm sóc trẻ em tại các cơ sở dịch vụ CTXH, UBND phường/xã và các tổ chức, đơn vị cung cấp dịch vụ.

Phát triển các chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho người làm CTXH trong lĩnh vực BVTE cấp cơ sở.

5.2. Giải pháp về tổ chức, thực hiện thực hiện chính sách

Nghiên cứu đưa ra một số giải pháp về việc tổ chức, thực hiện chính sách nhằm giải quyết những vấn đề liên quan tới người làm CTXH cấp cơ sở bao gồm kiến thức, kỹ năng về BVTE.

5.2.1. Chuẩn bị tổ chức thực hiện chính sách

5.2.1.1. Đơn vị thực hiện chính sách

Đơn vị thực hiện chính sách bao gồm các UBND phường/xã, các tổ chức, cơ sở cung cấp dịch vụ BVTE tại các địa phương.

5.2.1.2. Xây dựng kế hoạch hành động

Các UBND phường/xã, các tổ chức, cơ sở cung cấp dịch vụ BVTE tại các địa phương tiến hành xây dựng kế hoạch hành động để

đưa chính sách áp dụng vào thực tế bao gồm xây dựng các mục tiêu và biện pháp thực thi cụ thể các nhiệm vụ, công việc, lập kế hoạch triển khai, thực hiện chính sách tại các địa phương.

5.2.1.3. Xây dựng văn bản hướng dẫn

Để triển khai thực hiện chính sách một cách chính xác và hiệu quả, các cơ quan ban hành chính sách cần ban hành những văn bản hướng dẫn và cụ thể hoá chính sách, hướng dẫn các biểu mẫu nhằm giúp cơ sở, và các đối tượng của chính sách có thể thực hiện một cách dễ dàng, đầy đủ.

5.2.1.4. Tổ chức tập huấn, hướng dẫn

Hướng dẫn về các nội dung thực hiện chính sách cho các UBND phường/xã, các tổ chức, cơ sở cung cấp dịch vụ BVTE tại các địa phương thông qua văn bản hướng dẫn, các lớp tập huấn.

5.2.2. Tổ chức thực hiện chính sách

Triển khai đưa chính sách vào thực tiễn với các nội dung cơ bản như sau:

Tổ chức thực hiện hiệu quả Luật trẻ em, Nghị định và các chính sách BVTE, thực hiện các chương trình chăm sóc và BVTE. Truyền thông nâng cao nhận thức của cá nhân, nhóm, cộng đồng và xã hội về vai trò của công tác BVTE. Không ngừng đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục kiến thức pháp luật, chính sách, các chương trình hành động BVTE cho gia đình, cộng đồng và cho chính trẻ em.

Tăng cường hơn nữa vai trò, trách nhiệm của chính quyền địa phương; vai trò, trách nhiệm của người làm CTXH trong quá trình triển khai chính sách, chương trình, kế hoạch bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em tại địa phương.

Tổ chức các lớp tập huấn đào tạo/bồi dưỡng nâng cao năng lực BVTE trên cơ sở đánh giá nhu cầu của người làm CTXH cấp cơ sở với quy mô lớp nhỏ phù hợp với thực hành CTXH.

Tăng cường phối hợp liên ngành về BVTE và thực hiện quyền trẻ em, trong phòng ngừa, phát hiện, hỗ trợ trẻ em trong các trường hợp trẻ bị xâm hại, bị bạo lực… Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, quy trình phối hợp các cấp, liên ngành về một số nội dung, hoạt động trong lĩnh vực trẻ em. Phát triển hệ thống cung cấp dịch vụ cho trẻ em, bảo vệ trẻ em, lồng ghép và phối hợp giữa các dịch vụ y tế, giáo dục, tư pháp và các dịch vụ an sinh xã hội khác.

Xây dựng các mạng lưới dịch vụ hỗ trợ, thông tin về các

chương trình hỗ trợ, các chính sách nhằm duy trì hoạt động BVTE tại địa phương. Mở rộng mạng lưới cơ sở thực hành, gắn thực hành với lý thuyết, người làm CTXH tham gia các hoạt động của cộng đồng, của các tổ chức để tăng cường năng lực về thực hành CTXH và BVTE.

5.2.3. Đánh giá việc tổ chức, thực hiện chính sách

5.3. Các giải pháp tăng cường năng lực bảo vệ trẻ em của người làm công tác xã hội

Nâng cao năng lực BVTE cho người làm CTXH cấp cơ sở bao gồm việc tăng cường những kiến thức, kỹ năng BVTE; tăng cường kỹ năng làm việc đa ngành; tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị liên quan tới công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em nhằm đảm bảo tính liên kết giữa các nguồn lực trợ giúp toàn diện, thuận lợi cho trẻ em và gia đình.

Đề cao vai trò, trách nhiệm của người làm CTXH trong lĩnh vực BVTE. Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cha, mẹ/người chăm sóc trẻ em, cộng đồng và người dân về vai trò, trách nhiệm của cá nhân, gia đình, cộng đồng và xã hội đối với việc BVTE.

5.4. Đề xuất khung năng lực bảo vệ trẻ em cho người làm công tác xã hội cấp cơ sở trong lĩnh vực bảo vệ trẻ em

5.4.1. Cơ sở lý luận

Khung năng lực "mô tả tổ hợp các kiến thức, kỹ năng và đặc điểm các nhân cần để hoàn thành tốt một vai trò/công việc" (Nhung & Giang, 2017).

Trong phạm vi của nghiên cứu này chủ yếu dành cho người làm CTXH cấp cơ sở là nhân viên nên nghiên cứu đề xuất 2 nhóm năng lực chính như sau:

Năng lực chung/cốt lõi: gồm các năng lực cần thiết cho tất cả các vị trí và được xác định dựa trên chiến lược, giá trị của cơ quan.

Năng lực chuyên môn: là các kiến thức, kỹ năng chuyên môn về BVTE và thái độ/hành vi gắn với vai trò, vị trí của người làm CTXH cấp cơ sở trong lĩnh vực BVTE để hoàn thành công việc.

5.4.2. Cơ sở thực tiễn

Khung năng lực BVTE là cơ sở để tuyển dụng những nhân viên CTXH có năng lực phù hợp với chiến lược phát triển nhân sự của cơ quan. Hỗ trợ nhà quản lý đánh giá kết quả công việc, năng suất, chất lượng của nhân viên. Đây là cơ sở xây dựng chế độ lương,

thưởng phù hợp với năng lực, khả năng của mỗi người làm CTXH.

Tiểu kết Chương V

Chương V đã đưa ra những giải pháp, đề xuất nhằm tháo gỡ những khó khăn, thách thức của người làm CTXH cấp cơ sở và đánh giá những yếu tố ảnh hưởng tới năng lực BVTE của họ.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã đưa ra một bức tranh tổng thể về thực trạng năng lực BVTE của người làm CTXH cấp cơ sở với việc phân tích, mô tả các cấp độ trình độ, năng lực khác nhau về công tác BVTE, mức độ khả năng thực hiện công tác phòng ngừa, hỗ trợ và can thiệp trong công tác BVTE, phân tích, đánh giá những yếu tố ảnh hưởng mạnh tới năng lực BVTE của họ. Từ đó, xác định được những điểm mạnh và những tồn tại về năng lực BVTE của người tham gia nghiên cứu và đưa ra những giải pháp để giải quyết những vấn đề liên quan tới năng lực BVTE, đề xuất khung năng lực BVTE nhằm tăng cường năng lực cho người làm CTXH cấp cơ sở trong lĩnh vực BVTE.

Luận án đã vận dụng các lý thuyết Học tập, lý thuyết Hệ thống sinh thái và khung năng lực ASK nhằm chứng minh các giả thuyết nghiên cứu. Các phát hiện đã cho thấy người làm CTXH cấp cơ sở còn thiếu năng lực về kiến thức, kỹ năng về BVTE và thái độ đối với thân chủ. Các yếu tố ảnh hưởng bao gồm đặc điểm cá nhân, giáo dục và đào tạo, môi trường làm việc, yếu tố văn hóa có tác động cao đến năng lực BVTE của người làm CTXH cấp cơ sở. Cần phải xây dựng khung năng lực BVTE cho người làm CTXH cấp cơ sở đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Kết quả nghiên cứu đã chứng minh các giả thuyết là đúng.

Nghiên cứu về thực trạng năng lực BVTE của người làm CTXH đã cập nhật những số liệu mới về trẻ em trên cả nước và tại TP. Hà Nội, những vấn đề mà trẻ em đang gặp phải như bị bạo hành, bị xâm hại và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt… Đồng thời, tiến hành khảo sát thực tế trình độ CTXH, trình độ BVTE của người tham gia nghiên cứu, mức độ hiểu biết của họ về công tác BVTE, mức độ thực hiện các kỹ năng BVTE và thái độ/hành vi đối với thân chủ, khả năng thực hiện công tác BVTE theo ba cấp độ phòng ngừa, hỗ trợ và can thiệp.

Người làm CTXH cấp cơ sở đều có chứng chỉ nghiệp vụ, trình độ đại học và sau đại học về CTXH, tuy nhiên vẫn còn một số

cán bộ chưa qua đào tạo CTXH, trong đó cộng tác viên BVTE chiếm đa số, số lượng cán bộ phụ trách BVTE và cán bộ/nhân viên CTXH chưa qua đào tạo CTXH chiếm tỷ lệ thấp. Người tham gia nghiên cứu còn hạn chế một số kiến thức như kiến thức về chương trình đề án về BVTE, quy trình BVTE và kiến thức về quản lý trường hợp/ca, Đặc biệt là cán bộ UBND phường vẫn còn nhầm lẫn về quản lý trường hợp/ca và quản lý lưu trữ hồ sơ ca.

Tương tự, thực trạng người làm CTXH cấp cơ sở thực hiện các kỹ năng BVTE của chỉ đạt mức trung bình. Hai kỹ năng mà người làm CTXH thực hiện ở mức trung bình cao nhất là kỹ năng đánh giá nguy cơ, vấn đề của trẻ em và kỹ năng làm việc với trẻ em và gia đình, các kỹ năng còn hạn chế là kỹ năng tham vấn tâm lý và kỹ năng xử lý trong tình huống khẩn cấp. Lý giải điều này người tham gia nghiên cứu cho rằng ít có nhu cầu từ trẻ em và gia đình tại địa bàn do đó họ ít trau dồi các kỹ năng này và người làm CTXH trong lĩnh vực BVTE, đặc biệt là cán bộ BVTE phường còn thiếu kiến thức về đặc điểm tâm lý - xã hội của từng nhóm đối tượng trẻ em và thiếu hướng dẫn cụ thể trong quá trình đánh giá, can thiệp trong trường hợp khẩn cấp. Ngoài ra, tại các xã, phường, tham vấn tâm lý cho trẻ em ít được quan tâm mà chủ yếu là thực hiện hỗ trợ tài chính cho trẻ em và gia đình, do đó trong trường hợp trẻ em có nhu cầu dịch vụ tham vấn tâm lý thì sẽ được chuyển gửi tới các cơ sở dịch vụ chuyên sâu.

Người làm CTXH có thái độ/hành vi phù hợp với các tiêu chuẩn đạo đức nghề, tuy nhiên vẫn tồn tại một số vấn đề như lãng phí điện tại cơ quan, chưa đảm bảo giờ giấc làm việc, và đôi khi thái độ bị ảnh hưởng bởi cảm xúc mệt mỏi, căng thẳng do làm ca kíp, khối lượng công việc nhiều và mâu thuẫn giữa vai trò trợ giúp và nhu cầu của cha, mẹ của trẻ. Bên cạnh đó nghiên cứu đã thực hiện khảo sát khả năng thực hiện công tác BVTE với ba cấp độ: phòng ngừa, hỗ trợ và can thiệp, người tham gia nghiên cứu đánh giá khả năng thực hiện công tác phòng ngừa ở mức trung bình. Ở cấp độ này, cộng tác viên BVTE là lực lượng chủ yếu thực hiện công tác truyền thông, phổ biến và cung cấp thông tin cho cộng đồng, gia đình trẻ em và thực hiện báo cáo, Cán bộ/nhân viên CTXH và cán bộ VH-XH chủ yếu thực hiện đào tạo kỹ năng làm cha mẹ cho cha mẹ/người chăm sóc trẻ em; giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ em.

Ở cấp độ hỗ trợ, người làm CTXH trong lĩnh vực BVTE cấp cơ sở đã thực hiện công tác hỗ trợ trẻ em và gia đình khá đầy đủ. Mức độ thực hiện tùy thuộc vào vị trí công việc và quy định về vai trò, nhiệm vụ của từng vị trí việc làm. Cán bộ VH-XH và cán bộ/nhân viên CTXH thực hiện công tác hỗ trợ ở mức độ cao về nhận diện nguy cơ và xóa bỏ hoặc giảm thiểu nguy cơ chủ yếu liên quan đến xâm hại tình dục và bạo lực gia đình; hỗ trợ tư vấn luật pháp, chính sách, Ở cấp độ can thiệp, cộng tác viên BVTE hiếm khi thực hiện can thiệp mà hoạt động này được thực hiện chủ yếu bởi cán bộ/nhân viên CTXH và cán bộ phụ trách BVTE.

Nghiên cứu đã xác định, phân tích và đánh giá các yếu tố ảnh hưởng tới năng lực BVTE của người làm CTXH và những khó khăn mà họ gặp phải trong khi thực hiện công việc. Các yếu tố ảnh hưởng tới năng lực BVTE bao gồm: Đặc điểm cá nhân, Giáo dục và đào tạo, Môi trường làm việc, và các yếu tố Văn hóa. Đồng thời, đánh giá được mức độ ảnh hưởng của từng nhóm yếu tố tới năng lực BVTE. Nhóm yếu tố giáo dục và đào tạo có ảnh hưởng tương đối mạnh tới năng lực BVTE của người làm CTXH, trong đó nhóm yếu tố nổi bật có ảnh hưởng mạnh nhất tới năng lực BVTE với sự đồng thuận nhất trí cao của người làm CTXH là kiến thức, kỹ năng về CTXH và kiến thức chuyên môn về BVTE. Ngoài ra, nghiên cứu cũng xác định một số khó khăn nổi bật của người làm CTXH, đó là thu nhập thấp, thái độ của cộng đồng thờ ơ với các vấn đề của trẻ em, gia đình trẻ em không có thái độ hợp tác trong quá trình làm việc.

Đặc điểm cá nhân của người làm CTXH có ảnh hưởng mạnh tới năng lực của người làm CTXH. Với kinh nghiệm thực hành CTXH và BVTE người làm CTXH tin rằng họ sẽ tiếp thu những kiến thức mới nhanh hơn như hiểu được quy trình can thiệp và xác định được vấn đề của trẻ em một cách chính xác và kịp thời. Sự cầu thị, trách nhiệm và đức tính hướng ngoại sẽ giúp cho người làm CTXH trong việc thực hiện phối hợp đa ngành. Nhóm yếu tố Môi trường làm việc có ảnh hưởng khá mạnh tới năng lực BVTE của người làm CTXH cấp cơ sở. Trong đó, yếu tố kiến thức mới tiếp thu tại nơi làm việc có tác động tích cực tới năng lực BVTE. Tuy nhiên, yếu tố hành chính/quy trình làm việc bắt buộc như việc điền các biểu mẫu phức tạp, thực hiện nhiều báo cáo chiếm nhiều thời gian làm việc của người làm công tác BVTE và cập nhật thông tin cơ sở dữ liệu về trẻ

em thường xuyên bị nghẽn mạng gây khó khăn cho họ.

Mặc dù, chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực của cơ quan có tạo điều kiện cho cán bộ đi học tuy nhiên hiệu quả chưa cao. Lý giải điều này người tham gia nghiên cứu đã phản ánh phương pháp tổ chức chưa phù hợp với lớp học thực hành, số lượng học viên đông cả hội trường, nội dung tập huấn chưa sát với thực tế công việc của người làm công tác BVTE và còn mang tính học thuật cao. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy đội ngũ cán bộ UBND phường chưa coi trọng sự cần thiết và vai trò của công tác đào tạo BVTE. Ngược lại, người làm CTXH tại các trung tâm dịch vụ có sự quan tâm hơn đến các khóa tập huấn nâng cao năng lực BVTE. Nhóm yếu tố văn hóa có ảnh hưởng tương đối mạnh tới năng lực BVTE của người làm CTXH. Xem xét một số yếu tố có ảnh hưởng tiêu cực tới năng lực BVTE, làm cản trở việc phát hiện trẻ em bị xâm hại và bị bạo hành. Đó là, sự xấu hổ, ngại tiết lộ chuyện của gia đình và thái độ thờ ơ của người dân, cộng đồng và xã hội. Sự e dè, sợ bị vạ lây của những người xung quanh gây khó khăn, cản trở cho việc phát hiện vụ việc.

Ngoài những yếu tố ảnh hưởng tới năng lực BVTE thì người làm CTXH cũng gặp phải nhưng khó khăn như: thu nhập thấp, áp lực công việc và khối lượng công việc nhiều do khối lượng ca tăng cao và cán bộ làm công tác BVTE cấp xã phải kiêm nhiệm nhiều công việc làm hạn chế việc tham dự các lớp tập huấn và làm giảm tập trung vào công tác bảo vệ trẻ em. Thái độ thờ ơ của cộng đồng đối với các vấn đề của trẻ em, gia đình trẻ em không hợp tác với nhân viên, khó khăn trong phối hợp công tác đa ngành là những cản trở trong quá trình thực hiện công việc của đội ngũ này.

Từ những kết quả nghiên cứu, có thể thấy năng lực BVTE của người làm CTXH còn những thiếu hụt cần được bồi dưỡng, bù đắp. Trong quá trình thực hiện công việc họ còn gặp những khó khăn và thách thức. Do đó, nghiên cứu đã đưa ra những giải pháp, đề xuất khung năng lực BVTE và các khuyến nghị nhằm cải thiện nâng cao năng lực BVTE cho người làm CTXH cấp cơ sở.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyen Thuy Trang, Nguyen Thi Thai Lan (2023), "Child protection competence of social workers at communal level in Hanoi: Status quo and need for capacity building", Make a difference social work without barriers in response to sustainable development and public emergency, ISBN: 978-604-315-116-9, pp. 91-108.

2. Nguyen Thuy Trang (2023), "Factors influencing child protection competence of social workers in Hanoi, Vietnam", International Journal of Advanced Multidisciplinary Research and Studies. Vol.3 (4), pp. 272-276. ISSN: 2583-049X.